

**BẢNG TỔNG HỢP THEO DÕI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ
NĂM HỌC 2024 - 2025**

Các lĩnh vực giáo dục		Lớp	Khối 5 tuổi						
			T.số trẻ được đánh giá	T.số trẻ "Đạt"		T.số trẻ "Cần cố gắng"		T.số trẻ "Chưa Đạt"	
				SL	%	SL	%	SL	%
1	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực thể chất	5A1	40	38	95,0%	2	5,0%	0	0,0%
		5A2	40	38	95,0%	2	5,0%	0	0,0%
		5A3	37	35	94,6%	1	2,7%	1	2,7%
		Cộng tổng	117	111	94,9%	5	4,3%	1	0,9%
2	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực TCXH	5A1	40	36	90,0%	4	10,0%	0	0,0%
		5A2	40	38	95,0%	2	5,0%	0	0,0%
		5A3	37	24	64,9%	12	32,4%	1	2,7%
		Cộng tổng	117	98	83,8%	18	15,4%	1	0,9%
3	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực ngôn ngữ	5A1	40	35	87,5%	5	12,5%	0	0,0%
		5A2	40	38	95,0%	2	5,0%	0	0,0%
		5A3	37	30	81,1%	6	16,2%	1	2,7%
		Cộng tổng	117	103	88,0%	13	11,1%	1	0,9%
4	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực nhận thức	5A1	40	37	92,5%	3	7,5%	0	0,0%
		5A2	40	38	95,0%	2	5,0%	0	0,0%
		5A3	37	31	83,8%	5	13,5%	1	2,7%
		Cộng tổng	117	106	90,6%	10	8,5%	1	0,9%
5	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực thẩm mỹ	5A1	40	37	92,5%	3	7,5%	0	0,0%
		5A2	40	38	95,0%	2	5,0%	0	0,0%
		5A3	37	27	73,0%	9	24,3%	1	2,7%
		Cộng tổng	117	102	87,2%	14	12,0%	1	0,9%

**BẢNG TỔNG HỢP THEO DÕI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ
NĂM HỌC 2024 - 2025**

Các lĩnh vực giáo dục		Lớp	Khối 5 tuổi						
			T.số trẻ được đánh giá	T.số trẻ "Đạt"		T.số trẻ "Cần cố gắng"		T.số trẻ "Chưa Đạt"	
				SL	%	SL	%	SL	%
6	Đánh giá chung về mức độ phát triển của trẻ	5A1	40	38	95,0%	2	5,0%	0	0,0%
		5A2	40	38	95,0%	2	5,0%	0	0,0%
		5A3	37	29	78,4%	7	18,9%	1	2,7%
		Cộng tổng	117	105	89,7%	11	9,4%	1	0,9%

Kiến An, ngày 27 tháng 5 năm 2025
Ban Giám hiệu

Kiến An, ngày 27 tháng 5 năm 2025
Người tổng hợp

Nguyễn Thị Đơn

BẢNG TỔNG HỢP THEO DỐI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ
NĂM HỌC 2024 - 2025

Các lĩnh vực giáo dục		Lớp	Khối 4 tuổi						
			T.số trẻ được đánh giá	T.số trẻ "Đạt"		T.số trẻ "Cần cố gắng"		T.số trẻ "Chưa Đạt"	
				SL	%	SL	%	SL	%
1	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực thể chất	4B1	31	30	96,8%	1	3,2%	0	0,0%
		4B2	30	29	96,7%	1	3,3%	0	0,0%
		4B3	30	28	93,3%	2	6,7%	0	0,0%
		4B4	30	29	96,7%	1	3,3%	0	0,0%
		Cộng tổng	121	116	95,9%	5	4,1%	0	0,0%
2	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực TCXH	4B1	31	30	96,8%	1	3,2%	0	0,0%
		4B2	30	29	96,7%	1	3,3%	0	0,0%
		4B3	30	28	93,3%	2	6,7%	0	0,0%
		4B4	30	27	90,0%	3	10,0%	0	0,0%
		Cộng tổng	121	114	94,2%	7	5,8%	0	0,0%
3	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực ngôn ngữ	4B1	31	30	96,8%	1	5,0%	0	0,0%
		4B2	30	29	96,7%	1	3,3%	0	0,0%
		4B3	30	28	93,3%	2	6,7%	0	0,0%
		4B4	30	27	90,0%	3	10,0%	0	0,0%
		Cộng tổng	121	114	94,2%	7	5,8%	0	0,0%
4	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực nhận thức	4B1	31	30	96,8%	1	3,2%	0	0,0%
		4B2	30	29	96,7%	1	3,3%	0	0,0%
		4B3	30	27	90,0%	3	10,0%	0	0,0%
		4B4	30	26	86,7%	4	13,3%	0	0,0%
		Cộng tổng	121	112	92,6%	9	7,4%	0	0,0%
5	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực thẩm mỹ	4B1	31	29	93,5%	2	6,5%	0	0,0%
		4B2	30	29	96,7%	1	3,3%	0	0,0%
		4B3	30	26	86,7%	4	13,3%	0	0,0%
		4B4	30	26	86,7%	3	10,0%	1	3,3%
		Cộng tổng	121	110	90,9%	10	8,3%	1	0,8%

BẢNG TỔNG HỢP THEO DÕI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ
NĂM HỌC 2024 - 2025

Các lĩnh vực giáo dục		Lớp	Khối 4 tuổi						
			T.số trẻ được đánh giá	T.số trẻ "Đạt"		T.số trẻ "Cần cố gắng"		T.số trẻ "Chưa Đạt"	
				SL	%	SL	%	SL	%
6	Đánh giá chung về mức độ phát triển của trẻ	4B1	31	30	96,8%	1	3,2%	0	0,0%
		4B2	30	29	96,7%	1	3,3%	0	0,0%
		4B3	30	27	90,0%	3	10,0%	0	0,0%
		4B4	30	27	90,0%	3	10,0%	0	0,0%
		Cộng tổng	121	113	93,4%	8	6,6%	0	0,0%

Kiến An, ngày 27 tháng 5 năm 2025
Ban Giám hiệu

Kiến An, ngày 27 tháng 5 năm 2025
Người tổng hợp

Nguyễn Thị Đơn

**BẢNG TỔNG HỢP THEO DÕI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ
NĂM HỌC 2024 - 2025**

Các lĩnh vực giáo dục		Lớp	Khối 3 tuổi						
			T.số trẻ được đánh giá	T.số trẻ "Đạt"		T.số trẻ "Cần cố gắng"		T.số trẻ "Chưa Đạt"	
				SL	%	SL	%	SL	%
1	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực thể chất	3C1	31	31	100,0%	0	0,0%	0	0,0%
		3C2	28	24	85,7%	3	10,7%	1	3,6%
		3C3	31	30	96,8%	1	3,2%	0	0,0%
		Cộng tổng	90	85	94,4%	4	4,4%	1	1,1%
2	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực TCXH	3C1	31	28	90,3%	2	6,5%	1	3,2%
		3C2	28	18	64,3%	9	32,1%	1	3,6%
		3C3	31	29	93,5%	2	6,5%	0	0,0%
		Cộng tổng	90	75	83,3%	13	14,4%	2	2,2%
3	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực ngôn ngữ	3C1	31	30	96,8%	1	3,2%	0	0,0%
		3C2	28	20	71,4%	7	25,0%	1	3,6%
		3C3	31	30	96,8%	1	3,2%	0	0,0%
		Cộng tổng	90	80	88,9%	9	10,0%	1	1,1%
4	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực nhận thức	3C1	31	30	96,8%	1	3,2%	0	0,0%
		3C2	28	22	78,6%	5	17,9%	1	3,6%
		3C3	37	31	83,8%	29	78,4%	2	5,4%
		Cộng tổng	96	83	86,5%	35	36,5%	3	3,1%
5	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực thẩm mỹ	3C1	31	29	93,5%	2	6,5%	0	0,0%
		3C2	28	16	57,1%	11	39,3%	1	3,6%
		3C3	31	28	90,3%	3	9,7%	0	0,0%
		Cộng tổng	90	73	81,1%	16	17,8%	1	1,1%

BẢNG TỔNG HỢP THEO DÕI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ
NĂM HỌC 2024 - 2025

Các lĩnh vực giáo dục		Lớp	Khối 3 tuổi						
			T.số trẻ được đánh giá	T.số trẻ "Đạt"		T.số trẻ "Cần cố gắng"		T.số trẻ "Chưa Đạt"	
				SL	%	SL	%	SL	%
6	Đánh giá chung về mức độ phát triển của trẻ	3C1	31	30	96,8%	1	3,2%	0	0,0%
		3C2	28	22	78,6%	5	17,9%	1	3,6%
		3C3	31	29	93,5%	2	6,5%	0	0,0%
		Cộng tổng	90	81	90,0%	8	8,9%	1	1,1%

Kiến An, ngày 27 tháng 5 năm 2025
Ban Giám hiệu

Kiến An, ngày 27 tháng 5 năm 2025
Người tổng hợp

Nguyễn Thị Đơn

BẢNG TỔNG HỢP THEO DÕI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ
NĂM HỌC 2024 - 2025

Các lĩnh vực giáo dục		Lớp	Khối nhà trẻ						
			T.số trẻ được đánh giá	T.số trẻ "Đạt"		T.số trẻ "Cần cố gắng"		T.số trẻ "Chưa Đạt"	
				SL	%	SL	%	SL	%
1	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực thể chất	NTD1	28	27	96,4%	1	3,6%	0	0,0%
		NTD2	29	27	93,1%	2	6,9%	0	0,0%
		Cộng tổng	57	54	94,7%	3	5,3%	0	0,0%
2	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực TCXH	NTD1	28	25	89,3%	2	7,1%	1	3,6%
		NTD2	29	28	96,6%	1	3,4%	1	3,4%
		Cộng tổng	57	53	93,0%	3	5,3%	2	3,5%
3	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực ngôn ngữ	NTD1	28	24	85,7%	2	7,1%	2	7,1%
		NTD2	29	28	96,6%	1	3,4%	0	0,0%
		Cộng tổng	57	52	91,2%	3	5,3%	2	3,5%
4	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực nhận thức	NTD1	28	25	89,3%	1	3,6%	2	7,1%
		NTD2	29	27	93,1%	1	3,4%	1	3,4%
		Cộng tổng	57	52	91,2%	2	3,5%	3	5,3%
5	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực thẩm mỹ								

BẢNG TỔNG HỢP THEO DÕI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ
NĂM HỌC 2024 - 2025

Các lĩnh vực giáo dục		Lớp	Khối nhà trẻ						
			T.số trẻ được đánh giá	T.số trẻ "Đạt"		T.số trẻ "Cần cố gắng"		T.số trẻ "Chưa Đạt"	
				SL	%	SL	%	SL	%
6	Đánh giá chung về mức độ phát triển của trẻ	NTD1	28	24	85,7%	2	7,1%	2	7,1%
		NTD2	29	28	96,6%	1	3,4%	0	0,0%
		Cộng tổng	57	52	91,2%	3	5,3%	2	3,5%

Kiến An, ngày 27 tháng 5 năm 2025
Ban Giám hiệu

Kiến An, ngày 27 tháng 5 năm 2025
Người tổng hợp

Nguyễn Thị Đơn

BẢNG TỔNG HỢP THEO DÕI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ
NĂM HỌC 2024 - 2025

Các lĩnh vực giáo dục		Toàn trường						
		T.số trẻ được đánh giá	T.số trẻ "Đạt"		T.số trẻ "Cần cố gắng"		T.số trẻ "Chưa Đạt"	
			SL	%	SL	%	SL	%
1	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực thể chất	385	366	95,1%	17	4,4%	2	0,5%
2	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực TCXH	385	340	88,3%	41	10,6%	5	1,3%
3	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực ngôn ngữ	385	349	90,6%	32	8,3%	4	1,0%
4	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực nhận thức	385	353	91,7%	30	7,8%	5	1,3%
5	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực thẩm mỹ	328	285	86,9%	40	12,2%	3	0,9%

**BẢNG TỔNG HỢP THEO DÕI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ
NĂM HỌC 2024 - 2025**

Các lĩnh vực giáo dục		Toàn trường						
		T.số trẻ được đánh giá	T.số trẻ "Đạt"		T.số trẻ "Cần cố gắng"		T.số trẻ "Chưa Đạt"	
			SL	%	SL	%	SL	%
6	Đánh giá chung về mức độ phát triển của trẻ	385	351	91,2%	30	7,8%	4	1,0%

Kiến An, ngày 27 tháng 5 năm 2025
Ban Giám hiệu

Kiến An, ngày 27 tháng 5 năm 2025
Người tổng hợp

Nguyễn Thị Đơn